

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21 /2020/HS-ST
Ngày: 09- 7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Hồng Quân

2/ Ông Đặng Văn Hậu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Ông Dương Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HS ngày 25/6/2020 đối với bị cáo:

Bạch Thị Yến N, sinh năm 1996 tại huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: khu D (khu J cũ), thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bạch Văn M và bà Bùi Thanh T2; Bị cáo có chồng và 02 con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/3/2020 đến ngày 18/5/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Chị Đặng Cao Hoàng H, sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: khu B, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Bà Cao Thị T, sinh năm 1972. Vắng mặt

Địa chỉ: khu B, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 15/3/2020 bị cáo Bạch Thị Yến N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64 T2-26xx đến nhà bà Cao Thị T là chủ tiệm photo copy Đặng T3 thuộc khu B, thị trấn T1, huyện T1 để giao cá xay cho bà T. Khi đến nơi, bị cáo gặp em Đặng Thành Đ (con bà T) đang ở khu vực nhà trước, Đ kêu bị cáo mang cá ra phía sau giao cho bà T. Lúc đi ngang phòng gội đầu, massage của chị Đặng Cao Hoàng H (con bà T), bị cáo nhìn vào phòng thấy có một cái bóp da màu xanh trên ghế massage nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm. Bị cáo đi thẳng ra phía nhà sau giao cá cho bà T rồi quay trở lên để về. Khi đi ngang qua phòng massage của chị Hoàng H, bị cáo quan sát thấy khuất tầm nhìn của những người trong nhà nên bước đến ghế massage lấy trộm cái bóp da của chị Hoàng H giấu vào áo khoác. Bị cáo ra ngoài và điều khiển xe đến bến phà thuộc ấp M1, xã T4 để qua xã L rước con gái. Lúc ngồi đợi phà, bị cáo mở bóp da vừa lấy trộm ra để kiểm tra thấy bên trong có 17.500.000đ, 1001 USD (gồm 10 tờ mệnh giá 100USD và 01 tờ mệnh giá 01 USD), 01 thẻ đảng viên, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 hộ chiếu, 02 thẻ ATM cùng mang tên Đặng Cao Hoàng H và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số kiểm soát 64F1-224.xx mang tên Cao Thị T. Bị cáo lấy tất cả các giấy tờ trong bóp da vứt bỏ tại khu vực bến phà và đi rước con.

Anh Đỗ Văn Út B1 là lái phà phát hiện các giấy tờ cá nhân của chị Đặng Cao Hoàng H nên điện thoại báo cho chị Hoàng H biết. Chị Hoàng H phát hiện tài sản bị mất trộm nên trình báo công an. Qua xác minh, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trà Ôn mời bị cáo N đến lấy lời khai. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận sau khi lấy trộm số tiền của chị Hoàng H, khoảng 11 giờ cùng ngày bị cáo đến Tiệm vàng V tại thị trấn T1 đổi 200USD và mua 01 nhẫn 18 K số tiền 1.980.000đ, đến tiệm vàng H1 đổi 100USD mua 01 nhẫn số tiền 1.823.000đ và đến tiệm vàng C1 đổi 100 USD lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Tang vật thu giữ: số tiền 17.500.000đ, 501 USD gồm 6 tờ mệnh giá 100USD và 01 tờ mệnh giá 01 USD; 02 nhẫn 18 K, 01 túi da màu đen, 9.262.000đ do bị cáo giao nộp. Cơ quan điều tra truy tìm và thu giữ 01 thẻ đảng viên, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 hộ chiếu, 02 thẻ ATM cùng mang tên Đặng Cao Hoàng H và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số kiểm soát 64F1-224.xx mang tên Cao Thị T.

Tại kết luận định giá tài sản số 14/KLHD-ĐGTS ngày 24/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Trà Ôn kết luận: 1001USD bị mất trộm ngày 15/3/2020 có giá trị là 23.178.155đ

Ngày 18/3/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Bạch Thị Yến N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKSTÔ ngày 29/5/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố bị cáo Bạch Thị Yến N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Bạch Thị Yến N khai nhận: Bị cáo thống nhất Kết luận định giá tài sản số 14/KLHD-ĐGTS ngày 24/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình

sự huyện Trà Ôn. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố đúng hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo biết hành vi trộm cắp là sai, bị cáo hối hận và hứa khắc phục, xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo nuôi con nhỏ.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn thực hành quyền công bố tại phiên tòa đề nghị: Giữ nguyên Quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bạch Thị Yến N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Bạch Thị Yến N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử trách từ 02 năm đến 03 năm.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại và bị cáo nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản là sai nhưng bị cáo nhất thời tham lam nên đã lấy trộm tài sản của người khác, bị cáo không biết hành vi trộm cắp tiền đến mức nghiêm trọng. Bị cáo đang nuôi 02 con còn nhỏ có 01 con dưới 36 tháng tuổi, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Trà Ôn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, Kết luận định giá tài sản cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án Qua đó xác định: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 15/3/2020 bị cáo Bạch Thị Yến N đến nhà bà Cao Thị T để giao cá xay cho bà T. Khi vào nhà bà T, lợi dụng sơ hở của chủ nhà bị cáo đã lấy trộm 01 bóp da của chị Đặng Cao Hoàng H (con bà T), trong bóp có số tiền 17.500.000đ, 1001 USD (gồm 10 tờ mệnh giá 100USD và 01 tờ mệnh giá 01 USD), 01 thẻ đảng viên, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 hộ chiếu, 02 thẻ ATM cùng mang tên Đặng Cao Hoàng H và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số kiểm soát 64F1-224.xx mang tên Cao Thị T. Bị cáo vứt bỏ giấy tờ trong bóp, lấy số tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, có

đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Bạch Thị Yến N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố đối với bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên đã xâm phạm đến tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải xử lý nghiêm khắc nhằm răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại; Bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; Bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, nhằm tạo điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người hữu dụng sau này.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bạch Thị Yến N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bạch Thị Yến N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 03 (ba) năm.

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (*ngày 09/7/2020*).

Giao bị cáo Bạch Thị Yến N cho Cơ quan thi hành án hình sự huyện Trà Ôn và Ủy ban nhân dân thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng: Khoản 2, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bạch Thị Yến N nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ công an tỉnh Vĩnh Long
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Công an huyện Trà Ôn;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- Ủy ban nhân dân thị trấn T1;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga